



- 19-9-2007 - Quyết định số 4241/QĐ-UBND ban hành Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện hai dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh và dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1. 22

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

- 11-9-2007 - Chỉ thị số 08/2007/CT-UBND về tăng cường các biện pháp bình ổn thị trường, kiềm chế tăng giá trong những tháng cuối năm 2007 và đầu năm 2008. 39

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

- 13-9-2007 - Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận. 42
- 25-9-2007 - Quyết định số 809/2007/QĐ-UBND về việc đính chính một số điều, khoản tại Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận (ban hành kèm theo Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận). 58

---

---

# THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4042/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2007*

## QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng  
tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi,  
thành phố Hồ Chí Minh**

---

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi;

Căn cứ Quyết định số 6079/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-BXD ngày 12 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi;

Xét Tờ trình số 292/BQL-KCN-HCM ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố về việc thẩm định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2503/TTr-SQHKT ngày 06 tháng 7 năm 2007 về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết).

#### **1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Quy mô khu vực quy hoạch: 542,64ha, nằm trong phạm vi xã Tân Phú Trung và xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi (trong đó có 18,17ha là đất cây xanh hành lang an toàn tuyến điện - không thuộc Khu Công nghiệp chỉ giao để trồng cây xanh cách ly).

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông Bắc giáp Quốc lộ 22 (đường Xuyên Á).

+ Phía Bắc giáp kênh Đông (N46).

+ Phía Tây giáp kênh thủy lợi TC2-14 và N46-18A (kênh số 5).

+ Phía Nam giáp kênh Thầy Cai.

Vị trí, giới hạn và phạm vi điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng không thay đổi so với quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 49/QĐ-BXD ngày 12 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

#### **2. Tính chất, chức năng quy hoạch:**

Là khu công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường, một phần để bố trí xí nghiệp công nghiệp di dời từ nội thành, đồng thời việc đổi mới công nghệ với xử lý môi trường đảm bảo, phần còn lại dự kiến bố trí các ngành nghề theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010, có tính đến năm 2020”.

### 3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

#### 3.1. Cơ cấu sử dụng đất:

- + Đất xí nghiệp công nghiệp, kho tàng : 50 - 70%
- + Đất trung tâm điều hành - dịch vụ : 2 - 4%
- + Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 2 - 5 %
- + Đất công viên, cây xanh : 10 - 15%
- + Đất giao thông : 13 - 20%

#### 3.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

##### - Mật độ xây dựng:

+ Mật độ xây dựng chung khu công nghiệp:  $\leq 45\%$

+ Mật độ xây dựng khu xí nghiệp công nghiệp, kho bãi

. Bố cục phân tán :  $\leq 50\%$ .

. Bố cục hợp khối :  $\leq 70\%$ .

+ Mật độ xây dựng khu trung tâm điều hành - dịch vụ :  $\leq 40\%$

+ Mật độ xây dựng khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật :  $\leq 40\%$

- Hệ số sử dụng đất chung:  $\leq 2$

##### - Tầng cao xây dựng:

+ Tầng cao xây dựng trong xí nghiệp công nghiệp, kho tàng: 1 - 4 tầng

+ Tầng cao xây dựng trong trung tâm điều hành - dịch vụ: 2 - 5 tầng

- Chỉ tiêu cấp nước :  $50\text{m}^3/\text{ha}/\text{ngày-đêm}$

- Chỉ tiêu cấp điện :  $350\text{kW}/\text{ha}$

- Chỉ tiêu thoát nước :  $40\text{m}^3/\text{ha}/\text{ngày-đêm}(80\% \text{ nước cấp})$

- Chỉ tiêu rác thải :  $0,4\text{tấn}/\text{ha}$

### 4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 4.1. Hệ thống giao thông:

Khu Công nghiệp được bao bọc bởi các đường giao thông: D1 (đường Tam Tân), D5 (đường cặp kênh Đông), N1 (cặp kênh số 5), N17 (đường song hành với Quốc lộ 21). Cổng chính được mở ra đường: Xa lộ Xuyên Á (Quốc lộ 22).

Các tuyến đường nội bộ có lộ giới từ 20m, 25m và 35m.

#### 4.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

Tổ chức đắp nền khu vực địa hình trũng thấp (cao độ tự nhiên < 2,00m)

Với những khu vực địa hình có cao độ tự nhiên  $\geq 2,00\text{m}$  tổ chức san ủi cục bộ, hoàn thiện nền xây dựng theo nguyên tắc bám sát địa hình tự nhiên.

Cao độ xây dựng lựa chọn  $H_{xd} \geq 2,10\text{m}$  (hệ cao độ Hòn Dấu).

Tổ chức thoát riêng hệ thống thoát nước bản và mưa, cống thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm.

Nước mưa được dẫn theo các tuyến cống chính để tập trung thoát đổ về hệ thống kênh thoát bao quanh Khu Công nghiệp.

Việc san lấp kênh trong Khu Công nghiệp cần thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 1616/SNN-KHTC ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 4.3. Hệ thống cấp điện:

Khu Công nghiệp Tân Phú Trung được cấp điện từ lưới điện chung của thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn trước mắt nhận điện từ trạm 220/110kV Hóc Môn hiện hữu qua nhánh rẽ 110kV hiện hữu đã dẫn đến trạm 110/15kV Nhà máy nước Tân Hiệp (Hóc Môn). Giai đoạn sau nhận điện từ trạm 220/110kV Cầu Bông (dự kiến xây dựng năm 2015).

#### 4.4. Hệ thống cấp nước:

Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước mặt Kênh Đông và nguồn nước ngầm, giai đoạn dài hạn sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Kênh Đông.

#### 4.5. Hệ thống thoát nước bản:

Xây dựng hệ thống thoát nước theo 2 lưu vực, nước thải sau khi xử lý trong nhà máy đạt tiêu chuẩn cột B - TCVN 5945-1995 và được thu gom về 2 trạm xử lý nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn cột A - TCVN 5945-1995 trước khi xả ra kênh Thầy Cai.

#### 5. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Bổ sung văn bản ý kiến của cơ quan quản lý điện lực đối với các tuyến đường đi dưới hành lang an toàn điện cao thế theo lưu ý tại Quyết định số 49/QĐ-BXD ngày 12 tháng 01 năm 2005.

- Cần có ý kiến góp ý của Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc theo tinh thần chỉ

đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 6524/UBND-ĐT ngày 08 tháng 9 năm 2006.

- Xem xét lại cách bố trí xí nghiệp công nghiệp theo hướng:

+ Tập trung các xí nghiệp công nghiệp ô nhiễm và bố trí các xí nghiệp về một khu vực và cách xa ranh Khu đô thị Tây Bắc thành phố để hạn chế ảnh hưởng đến khu đô thị mới này.

+ Tập trung các xí nghiệp công nghiệp quy mô nhỏ về một khu vực để tạo cảnh quan và quản lý xây dựng công trình, hạ tầng kỹ thuật tốt hơn.

- Thành phần hồ sơ đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 thực hiện đúng theo Điều 26 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc triển khai thực hiện nghiên cứu đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng và trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về thành lập Ban Quản lý Đường sắt đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005-QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 632/TTr-SNV ngày 31 tháng 8 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thành lập Ban Quản lý Đường sắt đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Ban Quản lý Đường sắt đô thị chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ có liên quan của các Bộ - Ngành Trung ương và của các Sở - ngành thành phố.



Ban Quản lý Đường sắt đô thị là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước thành phố theo quy định.

Trụ sở của Ban Quản lý Đường sắt đô thị đặt tại số 23 - 25 đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Ban Quản lý Đường sắt đô thị có nhiệm vụ**

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch tổng thể cho việc xây dựng, vận hành và khai thác các tuyến đường sắt đô thị của thành phố, phát triển mạng lưới đường sắt đô thị theo quy hoạch giao thông vận tải đến năm 2020.

2. Làm Chủ đầu tư và quản lý vận hành, khai thác các tuyến đường sắt đô thị của thành phố.

3. Thực hiện vai trò và chức năng đối tác trực tiếp với các đối tác nước ngoài trong các quan hệ giao dịch liên quan đến dự án.

4. Chuẩn bị văn kiện, tài liệu, nội dung đàm phán và cùng các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố tham gia đàm phán các điều ước và các văn bản thỏa thuận khác với nhà tài trợ liên quan đến các dự án xây dựng các tuyến đường sắt đô thị của thành phố.

5. Xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết và tiến độ thực hiện các dự án thành phần; tổ chức quản lý điều hành, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của dự án và xử lý các phát sinh khi thực hiện các dự án.

6. Đảm bảo đầy đủ cơ sở các dữ liệu thông tin theo yêu cầu đã thỏa thuận với đối tác nước ngoài để đi vào giai đoạn quản lý, điều hành dự án theo chương trình, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

7. Chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật của Nhà nước trong quá trình quản lý điều hành dự án đầu tư và những vấn đề có liên quan theo thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam.

8. Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo tài chính, các chế độ về kế toán, thống kê, kiểm toán, quyết toán theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của đối tác nước ngoài phù hợp với những nội dung đã được ký kết.

9. Đảm bảo chế độ quan hệ phối hợp với các cơ quan chức năng, các dự án có liên quan khác của thành phố để triển khai có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực của dự án.

10. Thực hiện công tác xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ cho công tác xây dựng và vận hành khai thác của các dự án được duyệt.

11. Hàng năm, Ban Quản lý Đường sắt đô thị lập kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch giải ngân (vốn trong nước và nguồn vốn vay nước ngoài) theo yêu cầu tiến độ thực hiện các dự án phù hợp với cơ chế tài chính trong nước và quy định của đối tác nước ngoài để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

12. Đảm bảo tập hợp và thực hiện đầy đủ các nội dung, quy trình thuộc lĩnh vực công tác đến vận hành, điều độ chạy tàu, quản lý khai thác, sử dụng sau khi giai đoạn xây dựng hoàn thiện.

13. Ban Quản lý Đường sắt đô thị được phép thành lập các Ban Quản lý dự án và các đơn vị trực thuộc để quản lý dự án và vận hành khai thác sau khi giai đoạn xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc thuê các tổ chức có đủ năng lực về kinh nghiệm và tài chính để quản lý, vận hành, khai thác các tuyến đường sắt đô thị khi hoàn tất giai đoạn xây dựng.

14. Liên kết hoặc liên doanh với các tổ chức trong nước hoặc nước ngoài hoặc thuê các chuyên gia có kinh nghiệm nhằm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong lĩnh vực chuyên ngành về quản lý điều hành dự án, tổ chức vận hành khai thác sử dụng.

15. Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức cá nhân có liên quan để giải quyết các vấn đề về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

16. Đảm bảo thực hiện chế độ thông tin lưu trữ, bảo mật và báo cáo theo quy định.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền hoặc phân công bằng văn bản.

**Điều 3.** Ban Quản lý Đường sắt đô thị có Trưởng Ban Quản lý điều hành theo chế độ thủ trưởng, có từ 1 đến 3 Phó Trưởng ban. Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Trưởng Ban Quản lý Đường sắt đô thị có trách nhiệm sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự của Ban đảm bảo tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

**Điều 4.** Giải thể Khu Quản lý Đường sắt đô thị trực thuộc Sở Giao thông - Công chính được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. Giải thể Ban Chuẩn bị Dự án đường sắt nội đô thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Giao thông - Công chính được thành lập theo Quyết định số 1346/QĐ-UB ngày 08 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Giám đốc Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Khu Quản lý Đường sắt đô thị và Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án đường sắt nội đô thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục giải thể theo quy định; tiến hành bàn giao công việc, tài sản, sắp xếp bố trí nhân sự đảm bảo ổn định, hiệu quả.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Trưởng Ban Quản lý Đường sắt đô thị, Giám đốc Khu Quản lý Đường sắt đô thị và Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án đường sắt nội đô thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 120/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Công văn số 573/TTTP-VP ngày 17 tháng 4 năm 2007 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 592/TTr-SNV ngày 17 tháng 8 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2283/QĐ-UB ngày 11 tháng 9 năm 1992 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/2007/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Thanh tra thành phố là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

**Điều 2.** Thanh tra thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

Trụ sở làm việc của Thanh tra thành phố đặt tại số 13 đường Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 3. Thanh tra thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

2. Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

3. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

5. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện họp để đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp.

- Khi phát hiện có vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Kiến nghị các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

8. Thanh tra thành phố có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý; trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị chuyển cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

9. Hướng dẫn công tác nghiệp vụ thanh tra hành chính; phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan hướng dẫn chế độ chính sách, tổ chức biên chế đối với Thanh tra sở - ngành, Thanh tra quận - huyện.

10. Xem xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển xếp ngạch cho thanh tra viên các cấp.

11. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra sở - ngành, quận - huyện.

Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thi hành

quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo.

13. Tổ chức việc tập huấn nghiệp vụ thanh tra cho thanh tra viên của Thanh tra sở - ngành, Thanh tra quận - huyện.

14. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

15. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra thành phố.

16. Tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ thanh tra trong phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra thành phố. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

17. Trung tập cán bộ, công chức thuộc cơ quan Thanh tra sở - ngành, Thanh tra quận - huyện; yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức có chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực thanh tra tham gia các Đoàn thanh tra.

18. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh Thanh tra thành phố**

1. Chánh Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo Điều 19 Luật Thanh tra, Điều 8 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

2. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng.

3. Thực hiện nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Chánh Thanh tra thành phố tham dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố và tham gia các Hội đồng cấp thành phố có liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra**



Thanh tra viên, cán bộ thanh tra, công tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức; Luật Thanh tra, Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ và quy định của ngành Thanh tra.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ**

#### **Điều 6. Lãnh đạo Thanh tra thành phố**

Thanh tra thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ thanh tra. Chánh Thanh tra thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Giúp việc cho Chánh Thanh tra có các Phó Chánh Thanh tra, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố; các Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra phân công, ủy quyền phụ trách từng lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chánh Thanh tra về nhiệm vụ được giao.

Các chức danh khác của Thanh tra thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 7. Tổ chức, bộ máy và biên chế cơ quan Thanh tra thành phố**

1. Tổ chức bộ máy của cơ quan Thanh tra thành phố gồm một số phòng chuyên môn nghiệp vụ và Văn phòng trực thuộc, gồm:

- a) Phòng Thanh tra Kinh tế I;
- b) Phòng Thanh tra Kinh tế II;
- c) Phòng Thanh tra Văn xã - Nội chính;
- d) Phòng Thanh tra - Xét khiếu tố;
- e) Phòng Pháp chế tổng hợp;
- g) Văn phòng.

Việc thành lập, giải thể, chia, tách, sáp nhập tổ chức các phòng, quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chánh Thanh tra thành phố quyết định theo yêu cầu công tác thực tế và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra thành phố sau khi thỏa thuận thống nhất với Sở Nội vụ.

2. Biên chế của Thanh tra thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm với số lượng đủ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ và nằm trong chỉ tiêu biên chế chung của thành phố.

3. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố giao, Chánh Thanh tra thành phố được quyền thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Thanh tra thành phố.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 8. Mối quan hệ với Thanh tra Chính phủ**

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm báo cáo hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho Thanh tra Chính phủ.

#### **Điều 9. Mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố**

Thanh tra thành phố chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; có trách nhiệm báo cáo hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Hội đồng nhân dân thành phố khi có yêu cầu: trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Thanh tra thành phố chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

#### **Điều 10. Mối quan hệ với các cơ quan Tư pháp và Kiểm toán Nhà nước**

Thanh tra thành phố phối hợp với các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án và Kiểm toán Nhà nước trong việc phòng ngừa, chống tham nhũng; phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Mối quan hệ với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện**

Thanh tra thành phố phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Mối quan hệ với Thanh tra sở - ngành và Thanh tra quận - huyện**

1. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo.

2. Phối hợp tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo theo kế hoạch và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp chỉ đạo, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Thực hiện chế độ thông tin về hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13.** Căn cứ vào Quy chế này, Chánh Thanh tra thành phố có trách nhiệm xây dựng quy chế làm việc của cơ quan Thanh tra thành phố và hướng dẫn Thanh tra sở - ngành, quận - huyện xây dựng quy chế của từng đơn vị.

Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra thành phố thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

**Điều 14.** Khi có yêu cầu, Chánh Thanh tra thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4180/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ủy quyền ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc,  
Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các Ban Quản lý dự án đầu tư  
xây dựng trực thuộc các sở - ngành, Ủy ban nhân dân  
các quận - huyện, các Tổng Công ty**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 618/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ủy quyền cho Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Tổng Công ty do Ủy ban nhân dân thành phố đã ký quyết định thành lập trước đây.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty có trách nhiệm thực hiện nội dung được ủy quyền tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời có trách nhiệm rà soát, sắp xếp lại tổ chức, nhân sự các Ban Quản lý dự án đảm bảo đúng quy định, hoạt động có hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4241/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư  
thực hiện hai dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh  
và dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão -  
Nguyễn Thái Học, quận 1**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2005; Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5411/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 9 năm 2007,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện hai dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh và dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, quận Bình Thạnh và các nhà đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện hai dự án  
Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh và dự án Khu tam giác  
Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4241/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

#### **Điều 2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư**

Đấu thầu rộng rãi.

Không hạn chế số lượng nhà đầu tư tham dự. Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, bên mời thầu phải thông báo mời thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này để các nhà đầu tư biết thông tin tham dự. Bên mời thầu phải cung cấp hồ sơ mời thầu cho các nhà đầu tư có nhu cầu tham gia đấu thầu.

Phương thức đấu thầu: Áp dụng phương thức đấu thầu một giai đoạn, 1 túi hồ sơ.

#### **Điều 3. Điều kiện tham dự đấu thầu dự án của nhà đầu tư**

1. Có một trong các loại giấy tờ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp; Giấy giới thiệu (hoặc thư bảo đảm) của Đại sứ quán (hoặc Lãnh sự quán) của nước đó tại Việt Nam.

2. Chỉ được tham gia một đơn dự thầu với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc nhà đầu tư liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các



thành viên, trong đó quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên.

### 3. Yêu cầu về năng lực tài chính:

Nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ năng lực tài chính để thực hiện đầu tư dự án theo đúng quy định và tiến độ đã cam kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Năng lực tài chính của nhà đầu tư được thể hiện ở các tiêu chí sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án không được thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư của dự án (theo dự kiến của nhà đầu tư). Trong trường hợp nhà đầu tư có nhiều dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai hoặc chưa triển khai thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư là vốn của từng dự án riêng lẻ được thể hiện trong báo cáo tài chính có kiểm toán.

- Ngoài vốn chủ sở hữu, nhà đầu tư phải có cam kết tài trợ đủ vốn để đầu tư dự án của các tổ chức tín dụng, cam kết góp vốn của các đối tác. Nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư (được chứng minh trong báo cáo tài chính được kiểm toán trong hai năm gần nhất được quy định trong hồ sơ mời thầu).

- Đối với trường hợp có cam kết góp vốn của nhà đầu tư khác, phải chứng minh khả năng nguồn vốn của đơn vị góp vốn (được chứng minh trong báo cáo tài chính được kiểm toán trong hai năm gần nhất được quy định trong hồ sơ mời thầu).

- Nhà đầu tư phải có kế hoạch, tiến độ cụ thể huy động vốn để đầu tư cho dự án.

- Trường hợp sử dụng nguồn vốn khác phải chứng minh rõ.

- Trường hợp là liên danh, bên đại diện của liên danh phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, các thành viên khác trong liên danh phải có báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được kiểm toán trong hai năm gần nhất được quy định trong hồ sơ mời thầu.

### 4. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm, năng lực quản lý:

Nhà đầu tư phải có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện quản lý, đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh để đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư của dự án.

Các yêu cầu cụ thể về năng lực kinh nghiệm như sau:

- Đối với năng lực kinh nghiệm trong quản lý đầu tư xây dựng công trình: phải chứng minh đã thực hiện đầu tư ít nhất 01 công trình có quy mô thiết kế bằng hoặc lớn hơn công trình dự kiến đấu thầu lựa chọn đối với các dự án bất động sản. Đồng

thời, nhà đầu tư phải có bản báo cáo cụ thể về kết quả thực hiện các dự án đầu tư bất động sản (không kể quy mô) trong 03 năm gần nhất (đã hoàn thành, đang thực hiện hoặc chưa hoàn thành theo tiến độ) để chứng minh năng lực.

- Đối với năng lực kinh nghiệm trong quản lý khai thác công trình: phải chứng minh được năng lực quản lý kinh doanh, trong đó xác định rõ đã từng quản lý, khai thác kinh doanh những công trình tương tự.

5. Đáp ứng yêu cầu nêu trong Thông báo mời thầu và đảm bảo các thông tin trong hồ sơ dự thầu là chính xác, trung thực.

6. Riêng đối với dự án Khu tam giác Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học - Trần Hưng Đạo, quận 1 thì nhà đầu tư phải tìm địa điểm cụ thể để xây dựng mới Trường PTTH Ten-lơ-man trước khi triển khai thực hiện đầu tư dự án với diện tích tối thiểu là 8.000m<sup>2</sup> tại phường Cô Giang hoặc phường Cầu Kho quận 1 và xây dựng trường mới phải có quy mô lớn hơn và chất lượng tốt hơn Trường Ten-lơ-man hiện hữu.

#### **Điều 4. Bên mời thầu**

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ định Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của thành phố làm bên mời thầu của dự án

#### **Điều 5. Tổ chuyên gia đấu thầu**

Tổ chuyên gia: Thành phần Tổ chuyên gia bao gồm cán bộ bên mời thầu làm Tổ trưởng, thành viên Tổ chuyên gia là đại diện các sở - ban - ngành có liên quan; đại diện Ủy ban nhân dân quận nơi có dự án. Căn cứ vào tính chất của dự án, bên mời thầu có thể mời thêm chuyên gia về kỹ thuật, công nghệ, tài chính, pháp lý và các vấn đề liên quan khác tham gia Tổ chuyên gia.

#### **Điều 6. Trách nhiệm, quyền lợi của bên mời thầu**

1. Đơn vị mời thầu lập hồ sơ mời thầu, trình duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định kết quả đấu thầu.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các thành viên của bên mời thầu tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao sẽ tham gia, phối hợp với nhà đầu tư trúng thầu và Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư của quận nơi có dự án. Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án của nhà đầu tư đã trúng thầu và phối hợp giải quyết những phát sinh thực tế trong quá trình thực hiện dự án.

4. Bên mời thầu được quyền thu chi phí đấu thầu theo Quy định này.

### **Điều 7. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

1. Quyền lợi:

a) Được cung cấp hồ sơ mời thầu và giải đáp các thông tin liên quan đến hồ sơ mời thầu.

b) Được giao đất (đối với nhà đầu tư trong nước) hoặc cho thuê đất (đối với nhà đầu tư nước ngoài) theo kết quả trúng thầu và dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định.

c) Được hưởng các ưu đãi và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nghĩa vụ:

a) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật của tất cả các báo cáo tự kê khai trong quá trình tham gia dự thầu, đến khi trúng thầu và tổ chức thực hiện dự án đối với các cơ quan thẩm quyền Nhà nước có liên quan.

b) Chấp hành quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại Quy định này và kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt

c) Nộp chi phí đấu thầu theo mức quy định.

d) Hoàn thành thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

đ) Hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các quy định, hướng dẫn của Nhà nước.

e) Chấp hành các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng khi triển khai dự án.

g) Lập, thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

h) Liên hệ với Ủy ban nhân dân quận nơi có dự án để thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư để tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng.

i) Nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo kết quả trúng thầu trong thời hạn quy định tại văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu.

k) Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng, vận hành khai thác dự án theo đúng

quy định của pháp luật và quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu, quyết định phê duyệt dự án đầu tư đúng tiến độ và chất lượng đã cam kết.

l) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai, môi trường, quy hoạch, đầu tư xây dựng, thuế và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

m) Chịu sự giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án của các cơ quan quản lý Nhà nước và của cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và văn bản phê duyệt kết quả trúng thầu.

n) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Chi phí đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Nhà đầu tư khi nộp hồ sơ tham dự đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phải nộp một khoản phí là 10 triệu (mười triệu) đồng đối với khu chợ Văn Thánh và 30 triệu (ba mươi triệu) đồng đối với Khu tam giác Phạm Ngũ Lão - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Thái Học để bên mời thầu dùng cho chi phí đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (chi phí cho công tác chuẩn bị các thủ tục, hồ sơ mời thầu, đánh giá xếp hạng các hồ sơ dự thầu và thẩm định kết quả đấu thầu).

2. Chi phí tổ chức đấu thầu dự án được bố trí từ nguồn thu chi phí đấu thầu dự án và từ ngân sách thành phố.

3. Bên mời thầu quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí đấu thầu dự án theo quy định.

### **Điều 9. Bảo mật hồ sơ, tài liệu, thông tin**

Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu và xét thầu phải giữ bí mật các hồ sơ, tài liệu, thông tin theo quy định sau:

1. Không được tiết lộ nội dung hồ sơ mời thầu với bất cứ đối tượng nào trước ngày phát hành hồ sơ mời thầu.

2. Không được tiết lộ nội dung các hồ sơ dự thầu, các sổ tay ghi chép, các biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét đánh giá của chuyên gia hoặc tư vấn đối với từng nhà đầu tư và các tài liệu khác được đóng dấu “Mật”, “Tối mật” hoặc “Tuyệt mật”.

3. Không được tiết lộ kết quả đấu thầu trước khi Bên mời thầu công bố.

4. Không được hoạt động móc nối, mua bán thông tin về đánh giá các hồ sơ dự thầu trong quá trình xét thầu.

Những hành vi tiết lộ bí mật phải được xử lý kịp thời theo quy định tại khoản 1c Điều 75 Luật Đấu thầu.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH, THỦ TỤC, TỔ CHỨC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **Điều 10. Quy trình tổ chức đấu thầu**

Quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất bao gồm: chuẩn bị đấu thầu, tổ chức đấu thầu, xét thầu, thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu, công bố trúng thầu.

Việc tổ chức, trình tự đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Các nội dung bao gồm: tên dự án, giá sàn thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, dự kiến tổng vốn đầu tư xây dựng công trình của dự án làm cơ sở xác định giá sàn, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, thời gian thực hiện dự án sẽ được bên mời thầu trình Ủy ban nhân dân thành phố cùng với hồ sơ mời thầu.

#### **Điều 11. Hồ sơ mời thầu và Thông báo mời thầu**

##### **1. Hồ sơ mời thầu:**

a) Hướng dẫn cho nhà đầu tư: (Mô tả các yêu cầu của dự án bao gồm một số nội dung chính của dự án, công năng của công trình, tổng mức đầu tư dự kiến do bên mời thầu tính toán trên cơ sở tổng giá trị sàn thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư, giá trị tổng vốn dự kiến đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác; Thông tin sơ bộ về hiện trạng và tình hình sử dụng mặt bằng khu đất; Tư cách pháp lý của nhà đầu tư; Yêu cầu về năng lực tài chính; Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm, năng lực quản lý, hồ sơ về quy hoạch).

b) Mẫu đơn dự thầu (Mẫu số 1).

c) Mẫu bảo đảm dự thầu (Mẫu số 2).

d) Báo cáo danh mục các dự án đầu tư tương tự đã thực hiện (Mẫu số 3).

đ) Báo cáo về năng lực tài chính của nhà đầu tư (Mẫu số 4).

e) Mẫu bảo đảm cam kết thực hiện dự án (Mẫu số 5).

g) Thỏa thuận liên danh (nếu có).

h) Khung tiêu chí và thang điểm đánh giá.

2. Thông báo mời thầu:

Hồ sơ mời thầu sau khi được duyệt, bên mời thầu phải thông báo công khai trên báo Sài Gòn Giải Phóng 3 kỳ liên tục, đăng tải trên trang web của thành phố và trang web của Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi phát hành hồ sơ mời thầu ít nhất 05 (năm) ngày kể từ ngày thông báo lần đầu.

### **Điều 12. Hồ sơ dự thầu**

1. Hồ sơ dự thầu do nhà đầu tư tham gia đấu thầu lập trên cơ sở hồ sơ mời thầu được duyệt.

2. Hồ sơ dự thầu bao gồm: Đơn dự thầu, các văn bản pháp lý liên quan, thuyết minh ý tưởng đầu tư dự án và các tài liệu khác theo quy định.

### **Điều 13. Bảo đảm dự thầu và cam kết thực hiện dự án**

1. Nhà đầu tư tham dự đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải nộp chi phí bảo đảm dự thầu bằng 3% (ba phần trăm) giá trị tổng vốn đầu tư dự án dự kiến được quy định trong hồ sơ mời thầu được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 (ba mươi) ngày.

3. Bảo đảm dự thầu sẽ được trả lại cho những nhà đầu tư không trúng thầu trong thời gian không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày công bố kết quả đấu thầu.

4. Nhà đầu tư trúng thầu thực hiện bảo đảm cam kết thực hiện dự án có giá trị bằng 5% (năm phần trăm) tổng vốn đầu tư dự án dự kiến ngay sau khi có thông báo kết quả trúng thầu đối với dự án chưa bồi thường giải tỏa, 10% (mười phần trăm) tổng vốn đầu tư dự án đối với dự án đã bồi thường giải tỏa xong.

5. Bảo đảm dự thầu không trả lại cho nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu mà hồ sơ dự thầu vẫn còn hiệu lực.

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được thông báo kết quả trúng thầu của bên mời thầu, nhà đầu tư trúng thầu không nhận quyết định trúng thầu hoặc từ chối nhận kết quả đấu thầu.

c) Các trường hợp vi phạm quy định đấu thầu.

#### **Điều 14. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu và thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu**

1. Thời gian nhận hồ sơ dự thầu chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu.

2. Trường hợp cần sửa đổi hồ sơ mời thầu khi chưa đến thời hạn đóng thầu, bên mời thầu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời thầu trước thời điểm đóng thầu ít nhất là 10 (mười) ngày để các nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự thầu.

3. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu nhưng tối đa không quá 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày.

#### **Điều 15. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu cụ thể cho từng dự án. Việc đánh giá, xếp hạng các nhà đầu tư dựa trên các tiêu chí sau:

1. Tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu: Các hồ sơ dự thầu hợp lệ khi đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây:

a) Tư cách pháp lý của nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

b) Đơn dự thầu: Đơn dự thầu phải được điền đầy đủ và có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với liên danh dự thầu, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên còn lại ủy quyền cho thành viên đại diện liên danh ký đơn dự thầu.

c) Hồ sơ dự thầu đảm bảo thành phần và tính pháp lý theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu được duyệt.

d) Giá bỏ thầu tiền sử dụng hoặc tiền thuê 1m<sup>2</sup> đất không được thấp hơn giá sàn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được duyệt.

đ) Có báo cáo về việc chấp hành tốt pháp luật đất đai đối với phần diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nhà đầu tư tự khai báo và chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo).

2. Đánh giá về ý tưởng đầu tư dự án, năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo thang điểm 100 (một trăm) điểm chi tiết cho từng tiêu chí đánh giá như sau:

a) Ý tưởng đầu tư dự án của nhà đầu tư (30 điểm): Đánh giá qua tiêu chí mục tiêu, quy mô dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt; suất đầu tư/m<sup>2</sup> đất; tiến độ xây dựng và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

b) Năng lực tài chính (50 điểm): Phải đảm bảo theo khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

c) Kinh nghiệm đầu tư, quản lý, kinh doanh các dự án tương tự (20 điểm): Phải đảm bảo theo khoản 4 Điều 3 của Quy định này.

### **Điều 16. Mở thầu, xét thầu**

1. Mở thầu: Bên mời thầu tiến hành mở thầu theo trình tự sau:

a) Sau khi tiếp nhận nguyên trạng các hồ sơ dự thầu nộp đúng hạn và được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”, việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ và địa điểm ghi trong hồ sơ mời thầu.

b) Thành phần buổi mở thầu bao gồm đại diện bên mời thầu, đại diện các nhà đầu tư (người có thẩm quyền hoặc đại diện được ủy quyền bằng văn bản).

c) Bản gốc hồ sơ dự thầu sau khi mở thầu phải được bên mời thầu ký xác nhận từng trang trước khi tiến hành đánh giá và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “mật” để làm cơ sở pháp lý cho việc đánh giá và xem xét.

d) Kết thúc buổi mở thầu, bên mời thầu lập biên bản mở thầu ghi lại những nội dung dự thầu cơ bản của các hồ sơ dự thầu và có ký xác nhận của đại diện các đơn vị tham dự buổi mở thầu.

2. Xét thầu theo trình tự sau:

a) Đánh giá sơ bộ: Việc đánh giá sơ bộ nhằm loại bỏ các hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu, bao gồm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu cần thiết). Các hồ sơ dự thầu đáp ứng phần đánh giá sơ bộ được xem xét tiếp phần đánh giá chi tiết.

b) Đánh giá chi tiết:

- Đánh giá về ý tưởng đầu tư dự án, năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá chi tiết được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu. Các nhà đầu tư có tổng số điểm đánh giá từ 70 điểm trở lên được xếp vào danh sách ngắn để tiếp tục đánh giá về mặt tài chính.



- Đánh giá về cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính: Các nhà đầu tư trong danh sách ngắn được tiếp tục đánh giá về tài chính thông qua giá bỏ thầu nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, mức hỗ trợ cho ngân sách thành phố (nếu có).

c) Kết thúc xét thầu, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả đấu thầu.

d) Thời hạn xét thầu: Không quá 30 (ba mươi) ngày lịch kể từ ngày mở thầu.

### **Điều 17. Xếp hạng hồ sơ dự thầu**

Việc xếp hạng hồ sơ dự thầu được thực hiện theo tiêu chí thang điểm đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

Nhà đầu tư trúng thầu là nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn với tổng giá trị nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và mức cam kết hỗ trợ cho ngân sách thành phố lớn nhất.

Trong trường hợp không có nhà đầu tư nào cam kết hỗ trợ, nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu có tổng số điểm đánh giá cao nhất.

### **Điều 18. Xử lý tình huống trong đấu thầu**

1. Trường hợp sau khi hết thời hạn đăng ký mua hồ sơ theo thông báo mời thầu, hoặc sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ theo thông báo mời thầu, có duy nhất 01 (một) nhà đầu tư đăng ký hoặc nộp hồ sơ dự thầu, bên mời thầu có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc tổ chức xét chọn nhà đầu tư đó theo các tiêu chuẩn của hồ sơ mời thầu được duyệt.

2. Hủy đấu thầu:

a) Hủy đấu thầu được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã được nêu trong hồ sơ mời thầu;

- Tất cả các hồ sơ dự thầu không đáp ứng được điều kiện của hồ sơ dự thầu hoặc không có nhà đầu tư nào đáp ứng được yêu cầu tối thiểu về số điểm đánh giá về ý tưởng đầu tư dự án, năng lực tài chính, kinh nghiệm;

- Có bằng chứng cho thấy bên mời thầu thông đồng với nhà đầu tư hoặc giữa các nhà đầu tư có sự thông đồng tiêu cực tạo nên sự thiếu cạnh tranh trong đấu thầu, làm ảnh hưởng đến lợi ích của bên mời thầu.

- Nhà đầu tư được phê duyệt trúng thầu nhưng từ chối kết quả trúng thầu.

b) Căn cứ vào quyết định của người có thẩm quyền, bên mời thầu có trách nhiệm thông báo đến các nhà đầu tư tham gia đấu thầu về việc hủy đấu thầu.

c) Trách nhiệm tài chính khi hủy đấu thầu thực hiện theo nguyên tắc quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

3. Trường hợp có hai nhà đầu tư trở lên trong danh sách ngắn có tổng giá trị tiền nộp sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và mức hỗ trợ cho thành phố lớn nhất bằng nhau thì thứ tự lựa chọn nhà đầu tư trúng thầu như sau:

- Là nhà đầu tư có tổng số điểm đánh giá về ý tưởng đầu tư dự án, năng lực tài chính, kinh nghiệm cao nhất; trường hợp tổng điểm đánh giá tiếp tục bằng nhau thì thứ tự ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có điểm đánh giá cao hơn về: Kinh nghiệm; năng lực tài chính; ý tưởng đầu tư.

### **Điều 19. Triển khai thực hiện dự án sau khi công bố kết quả trúng thầu**

1. Nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm:

a) Thực hiện bảo đảm cam kết thực hiện dự án trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ khi nhận được công bố kết quả trúng thầu của bên mời thầu.

b) Phối hợp với Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái bố trí của quận nơi có dự án để tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng

c) Phối hợp với Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư triển khai các thủ tục thu hồi, giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và kết quả trúng thầu.

d) Thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành, phù hợp với tiến độ dự thầu.

đ) Triển khai thực hiện dự án theo tiến độ dự án đầu tư và kết quả trúng thầu được duyệt.

e) Định kỳ 6 (sáu) tháng báo cáo tình hình triển khai dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các sở - ban - ngành, quận - huyện theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật và văn bản phê duyệt kết quả trúng thầu.

### **Điều 20. Nộp tiền sử dụng đất**

Nhà đầu tư trúng thầu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nộp tiền cam kết hỗ trợ cho thành phố (nếu có) trước khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 21. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các thủ tục liên quan trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt giá sàn thu tiền sử dụng đất, giá cho thuê đất và suất đầu tư hạ tầng: Sở Tài chính chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt của bên mời thầu.

2. Thẩm quyền thẩm định tổng vốn đầu tư xây dựng của dự án thuộc thẩm quyền của sở - ban - ngành chuyên môn. Thời gian thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt của bên mời thầu.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí đấu thầu: Bên mời thầu tổ chức thẩm định và tự phê duyệt dự toán chi phí đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu các dự án do Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định làm bên mời thầu.

b) Thời gian thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ mời thầu: 20 (hai mươi) ngày làm việc.

5. Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc hủy thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc hủy thầu các dự án Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định làm bên mời thầu.

b) Thời gian thẩm định, trình phê duyệt kết quả đấu thầu: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Trách nhiệm của các sở - ban - ngành, quận 1 và quận Bình Thạnh**

1. Ủy ban nhân dân thành phố: Thống nhất quản lý Nhà nước về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn; phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án do các sở - ban - ngành và Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư làm bên mời thầu.

2. Các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận 1, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban

nhân dân thành phố giao các nội dung có liên quan đến việc đấu thầu, triển khai thực hiện dự án; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bên mời thầu khi được Ủy ban nhân dân thành phố giao; cử cán bộ tham gia Tổ chuyên gia theo đề nghị của bên mời thầu; định kỳ 6 (sáu) tháng, một năm tổng hợp báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

3. Ngoài những nhiệm vụ tại khoản 2 Điều này, các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận 1, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; chủ trì, phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận 1, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, tổ chức giới thiệu và đăng tải thông tin trên trang web của Sở; hướng dẫn mẫu hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố; định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai công tác đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn thành phố; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo Quy định này.

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc: Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng liên quan đến hai khu đất trên.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Cung cấp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan đến hai khu đất trên; Kiểm tra, xác nhận báo cáo về việc chấp hành pháp luật đất đai đối với phần diện tích đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án của nhà đầu tư theo quy định; thẩm định, trình cấp có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Sở Xây dựng: Hướng dẫn xác định tổng vốn đầu tư xây dựng công trình, lập dự toán chi phí đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc hướng dẫn mẫu hồ sơ mời thầu; thẩm định thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng đối với các dự án đầu tư có xây dựng công trình theo quy định của Luật Xây dựng và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Sở Tài chính: Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá sàn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, suất đầu tư hạ tầng áp dụng cho hai khu đất trên;

hướng dẫn bên mời thầu quyết toán chi phí đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện việc thu nộp ngân sách và sử dụng khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền hoàn trả kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng khu đất và hỗ trợ cho ngân sách thành phố của nhà đầu tư.

e) Các sở - ban - ngành khác thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của mình do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

g) Ủy ban nhân dân quận 1, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh: Phối hợp với nhà đầu tư trúng thầu tổ chức giải phóng mặt bằng khu đất theo quy định của Luật Đất đai, Quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và văn bản phê duyệt kết quả trúng thầu.

### **Điều 23. Xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**

1. Cơ quan được giao làm bên mời thầu, các cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao móc ngoặc, nhận hối lộ hoặc vì động cơ vụ lợi cố ý làm trái các quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại Quy định này hoặc có các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại cho Nhà nước, thiệt hại cho nhà đầu tư thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư nào vi phạm quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì tùy theo mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi danh sách dự thầu, không được nhận lại tiền bảo đảm dự thầu hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật. Các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

3. Trong trường hợp nhà đầu tư trúng thầu mà từ chối không thực hiện dự án thì sẽ bị tịch thu bảo đảm dự thầu, cấm tham gia dự thầu các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố trong thời hạn 3 năm.

4. Trong trường hợp có bằng chứng thông thầu giữa các nhà đầu tư với nhau và giữa nhà đầu tư với bên mời thầu thì bị tịch thu bảo đảm dự thầu và cấm tham gia dự thầu các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố trong vòng 3 năm.

5. Nhà đầu tư trúng thầu không được chuyển nhượng kết quả trúng thầu cho nhà đầu tư khác. Trường hợp vi phạm sẽ bị tịch thu bảo đảm cam kết thực hiện dự án, cấm tham gia dự thầu các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố trong vòng 3 năm.

6. Xử lý về vi phạm pháp luật đất đai của nhà đầu tư trúng thầu:

a) Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, phát hiện nhà đầu tư trúng thầu báo cáo không trung thực và có vi phạm pháp luật về quản lý đất đai đối

với phần diện tích đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì sẽ bị hủy kết quả đấu thầu (hoặc hủy văn bản chấp thuận chỉ định nhà đầu tư), nhà đầu tư đã trúng thầu sẽ không được trả lại bảo đảm cam kết thực hiện dự án.

b) Nhà đầu tư sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình không đúng quy hoạch thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai và xây dựng.

c) Kết quả đấu thầu sẽ bị hủy, thu hồi lại quyền sử dụng đất, và xử phạt trong các trường hợp:

- Nhà đầu tư trúng thầu đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng đất quá thời hạn 12 tháng kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa. Nhà đầu tư trúng thầu sẽ không được hoàn trả bảo đảm cam kết thực hiện dự án.

- Nhà đầu tư trúng thầu thực hiện trễ tiến độ hơn 6 (sáu) tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư mà không được chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố. Nhà đầu tư vi phạm sẽ không được hoàn trả bảo đảm cam kết thực hiện dự án, xử phạt tiền bằng 10% giá trị tiền sử dụng đất, cấm tham gia dự thầu các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố trong vòng 5 năm.

d) Các hành vi vi phạm pháp luật đất đai khác của nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

7. Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của cấp có thẩm quyền, nếu đơn vị trúng thầu không nộp tiền sử dụng đất thì coi như bỏ kết quả trúng thầu và không được nhận lại tiền bảo đảm cam kết thực hiện dự án.

#### **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy định**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**QUẬN 8****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2007/CT-UBND

*Quận 8, ngày 11 tháng 9 năm 2007***CHỈ THỊ****Về tăng cường các biện pháp bình ổn thị trường, kiềm chế tăng giá  
trong những tháng cuối năm 2007 và đầu năm 2008**

Thực hiện Chỉ thị số 18/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách kiềm chế tốc độ tăng giá thị trường; căn cứ Công văn số 4463/BTM-TTTN ngày 03 tháng 8 năm 2007 của Bộ Thương mại về việc bình ổn thị trường, kiềm chế tăng giá; Công văn số 4669/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ, Công điện khẩn số 04/BTC-QLG ngày 06 tháng 8 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính; Chỉ thị số 24/2007/CT-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về một số biện pháp cấp bách kiềm chế tốc độ tăng giá thị trường trong những tháng cuối năm 2007 và đầu năm 2008;

Nhằm góp phần bình ổn thị trường và kiềm chế tăng giá trên địa bàn quận, Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị Thủ trưởng các ngành chức năng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường tập trung thực hiện một số việc cụ thể sau:

1. Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 tổ chức tốt công tác theo dõi sát, phân tích diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn quận. Phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân 16 phường tăng cường công tác kiểm tra sau đăng ký kinh doanh (hậu kiểm), tạo mọi điều kiện giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, thương mại, dịch vụ năm 2007 để đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, gắn với kế hoạch cung ứng hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán; phát hiện và xử lý kịp thời và kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh; chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn.

2. Trưởng Phòng Y tế quận 8 tăng cường các biện pháp chủ động phòng, chống dịch bệnh cúm A ở người, dịch bệnh sốt xuất huyết, các dịch bệnh động vật có nguy cơ lây sang người; phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân 16 phường tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm. Chủ trì, phối hợp ngành chức năng theo dõi, kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các doanh nghiệp không chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá thuốc trên thị trường.

3. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 tổ chức tốt công tác theo dõi, tổng hợp và phân tích diễn biến thị trường giá cả, nhất là một số mặt hàng chủ yếu, như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, xi măng, sắt thép, phân bón...; thường xuyên và kịp thời báo cáo và đề xuất các giải pháp bình ổn thị trường cho Ủy ban nhân dân quận 8 và Sở Tài chính thành phố; chủ trì phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân 16 phường tập trung thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2007 và kiểm soát chặt chẽ việc thu chi ngân sách, tổ chức thực hiện nghiêm ngặt các giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận 8 thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành Kinh tế, Tài chính, Quản lý thị trường, Thuế, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Quản lý đô thị tổ chức kiểm soát hoạt động của thị trường, phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời theo quy định đối với hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng chủ trương điều chỉnh giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá bất hợp lý, đầu cơ găm hàng đẩy giá lên cao, kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng trốn lậu thuế... làm phương hại đến lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

4. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường 8B tăng cường công tác kiểm tra, quản lý thị trường, chống gian lận thương mại, kiểm tra chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã công bố gắn với kiểm tra niêm yết giá, đăng ký giá và bán hàng theo giá niêm yết.

5. Trưởng Trạm Thú y quận 8 thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm, các loại dịch bệnh trên heo; phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân 16 phường tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm tình trạng chăn nuôi, vận chuyển, chế biến, kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm trái quy định, bảo đảm vệ sinh và an toàn cho người tiêu dùng.

6. Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao, Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8 hướng dẫn nội dung và tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ công tác bình ổn giá trên



địa bàn, tạo sự đồng thuận của dư luận xã hội đối với công tác quản lý, điều hành giá cả của Nhà nước.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, điều hành bình ổn thị trường, kiềm chế tăng giá, nhằm bảo đảm phát triển kinh tế địa phương, ổn định đời sống nhân dân. Vận động sâu rộng trong nhân dân thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; về công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm, các loại dịch bệnh trên heo; phối hợp với các ngành chức năng quận tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm tình trạng chăn nuôi, vận chuyển, chế biến, kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm trái quy định. Chủ động, kịp thời phối hợp các ngành chức năng quận kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường.

8. Trưởng Ban Quản lý các chợ trên địa bàn quận theo dõi, nắm chắc diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu liên quan đến đời sống người dân, kịp thời báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế quận 8 và Ủy ban nhân dân phường; tăng cường tuyên truyền, vận động thương nhân thực hiện nghiêm việc niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết, thực hiện văn minh thương nghiệp.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận phối hợp với các cơ quan, ban ngành và Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân về chủ trương và biện pháp góp phần bình ổn thị trường và kiềm chế tăng giá trên địa bàn quận như đã nêu trên; nắm bắt và phản ánh kịp thời với Ủy ban nhân dân quận 8 về tình hình dư luận xã hội liên quan đến giá cả thị trường, dịch bệnh động vật, cúm A trên người, dịch bệnh sốt xuất huyết...

Ủy ban nhân dân quận 8 yêu cầu Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường khẩn trương tổ chức thực hiện Chỉ thị này và chấp hành nghiêm chế độ thông tin báo cáo theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Thị Hiền**

**QUẬN PHÚ NHUẬN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 794/2007/QĐ-UBND

*Phú Nhuận, ngày 13 tháng 9 năm 2007*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định xử lý vi phạm hành chính  
trên địa bàn quận Phú Nhuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính; Thông tư số 47/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận (tại Tờ trình số 193/TT-VP ngày 13 tháng 9 năm 2007),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về ban hành Quy trình xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn quận.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Trưởng Công an 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Công Nghĩa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Xử lý vi phạm hành chính**

Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác.

#### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này xác định rõ thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xử phạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và những người được giao nhiệm vụ đang thi hành công vụ.
2. Quy định chi tiết trình tự thủ tục xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận.
3. Phân định trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trên địa bàn quận mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

### **Chương II THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng.

3. Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

4. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại phường.

5. Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính tạm giữ tang vật, phương tiện trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm một bản.

### **Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có quyền:

1. Quyết định áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

4. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

6. Quyết định giao trách nhiệm bảo lãnh hành chính cho gia đình, tổ chức xã hội nơi đối tượng cư trú.

### **Điều 6. Thẩm quyền của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn: khám người và khám phương tiện đồ vật.

2. Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

3. Trưởng Công an phường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 4 khoản 3 Quy định này;

đ) Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính như: Tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật và khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an quận có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

e) Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này; Quyết định truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh trong trường hợp bỏ trốn.

### **Điều 7. Thẩm quyền của cơ quan Thuế**

1. Nhân viên Thuế đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các thủ tục thuế; phạt tiền theo quy định của các luật thuế chuyên ngành đối với các hành vi chậm nộp tiền thuế, khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, trốn thuế, gian lận thuế;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về thuế.

### **Điều 8. Thẩm quyền của cơ quan quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên Đội quản lý thị trường quận đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường quận có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;

d) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;

đ) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 6 Quy định này.

### **Điều 9. Ủy quyền xử lý vi phạm hành chính**

1. Việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Trưởng Công an phường; Trưởng Công an quận; Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Đội trưởng Đội Quản lý Thị trường quận chỉ được thực hiện đối với cấp phó. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản và trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt.

2. Cấp phó được cấp trưởng ủy quyền có quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ - THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

#### **Mục 1**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 10. Thực hiện việc niêm yết các văn bản liên quan đến xử lý vi phạm hành chính**

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình không nhận các văn bản liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính thì Ủy ban nhân dân phường sở tại phải lập biên bản niêm yết công khai các văn bản trên tại địa điểm vi phạm. Việc niêm yết có



sự chứng kiến đại diện cơ quan chuyên môn thuộc quận, Ban Điều hành Khu phố (Tổ dân phố) và Công an phường.

### **Điều 11. Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính**

Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Quyết định đình chỉ có thể là quyết định bằng văn bản hoặc quyết định thể hiện bằng lời nói, còi, tín hiệu hoặc các hình thức khác tùy từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 12. Thủ tục xử phạt đơn giản**

1. Xử phạt theo thủ tục đơn giản là trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không lập biên bản mà ra quyết định xử phạt tại chỗ. Những trường hợp được tiến hành xử phạt theo thủ tục đơn giản bao gồm:

a) Hành vi vi phạm hành chính mà mức phạt quy định là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng;

b) Nhiều hành vi vi phạm hành chính do một người thực hiện mà hành vi và mức phạt quy định đối với mỗi hành vi này đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản phải thể hiện bằng văn bản theo mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (gọi tắt là Nghị định 134). Người bị xử phạt, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính phát hành. Trong trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

## **Mục 2**

### **LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 13. Nguyên tắc lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản.

2. Biên bản vi phạm hành chính là cơ sở pháp lý để ra quyết định xử phạt vi

phạm hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo và khởi kiện ra Tòa án hành chính nên không được tẩy xóa, chỉnh sửa hoặc ghi thêm vào biên bản sau khi lập.

3. Biên bản phải được lập thành ít nhất là 02 bản; phải được người lập biên bản và cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng ký tên vào biên bản. Trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì những người nêu trên phải ký vào từng tờ biên bản.

4. Nếu cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký tên vào biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do không ký vào biên bản.

5. Nếu cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì vẫn tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. Trong thành phần lập biên bản phải có người chứng kiến là Ban Điều hành Khu phố (Tổ dân phố), Công an phường và những người này phải ký tên vào biên bản vi phạm hành chính.

6. Người lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường sở tại lập thủ tục giao biên bản đến cá nhân, tổ chức vi phạm trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày lập biên bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

#### **Điều 14. Biên bản vi phạm hành chính**

1. Khi người lập biên bản là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì sử dụng mẫu biên bản vi phạm hành chính số 01 ban hành kèm theo Nghị định 134.

2. Khi người lập biên bản là người không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì sử dụng mẫu biên bản vi phạm hành chính số 01b ban hành kèm theo Nghị định 134. Trong trường hợp này thì thủ trưởng của người lập biên bản là người có thẩm quyền xử phạt phải ký tên vào biên bản; nếu cần thiết thì tiến hành xác minh trước khi ký biên bản.

3. Biên bản phạm hành chính phải mô tả chính xác, cụ thể, đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính được pháp luật điều chỉnh và ghi rõ các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính, bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

### **Mục 3**

## **RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 15. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Vụ việc đơn giản, hành vi vi phạm rõ ràng, không cần xác minh thêm thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo mẫu quyết định số 07 ban hành kèm theo Nghị định 134.

2. Vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp như tang vật phương tiện cần giám định, cần xác định rõ đối tượng vi phạm hành chính hoặc những tình tiết khác thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

3. Trong trường hợp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền xử phạt có văn bản báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

4. Người có thẩm quyền không được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

a) Đã hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 2 Điều này mà không xin gia hạn hoặc đã xin gia hạn nhưng không được người có thẩm quyền chấp thuận;

c) Đã hết thời hạn được người có thẩm quyền gia hạn.

5. Trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 16. Chuyển giao hồ sơ vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường**

1. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị: chuyển hồ sơ cho Đội Quản lý Trật tự đô thị quận.

2. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận.

3. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm: chuyển hồ sơ cho Phòng Y tế quận.

4. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và an ninh, trật tự an toàn xã hội: chuyển hồ sơ cho Công an quận.

**Điều 17.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong các trường hợp sau:

1. Các hành vi vi phạm do Đội Quản lý trật tự đô thị quận, Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa, Đoàn Kiểm tra liên ngành việc thực hiện Bộ Luật Lao động, Đoàn Kiểm tra việc thực hiện về an toàn lao động và Đoàn Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm quận lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt (về hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả) của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

1. Đối với vụ việc đơn giản

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt, Thủ trưởng các đơn vị quy định tại Điều 17 và Điều 18 khoản 1 Quy định này phải lập tờ trình, dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao toàn bộ hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 (ba) ngày.

2. Đối với vụ việc phức tạp

a) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, các cá nhân nêu tại điểm a khoản 1 Điều này phải lập tờ trình và dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao toàn bộ hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận rà soát hồ sơ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn rà soát, nếu không thống nhất với đề nghị xử phạt của Thủ trưởng các đơn vị thụ lý hồ sơ thì báo cáo người có thẩm quyền ký quyết định để xin ý kiến chỉ đạo làm phiếu trao đổi ý kiến, thống nhất quan điểm xử phạt với Thủ trưởng các đơn vị đó, thời hạn phúc đáp phiếu trao đổi là 03 (ba) ngày;

c) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 05 (năm) ngày.

3. Thành phần hồ sơ trình Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận

- a) Biên bản vi phạm hành chính;
- b) Các tài liệu chứng cứ có liên quan;
- c) Tờ trình tóm tắt nội dung vi phạm và đề nghị hình thức xử phạt;
- d) Phiếu trao đổi thống nhất ý kiến (nếu có);
- e) Dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **Điều 19. Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân có trách nhiệm dự thảo văn bản (kèm theo hồ sơ) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

### **Điều 20. Phát hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và Kho bạc Nhà nước quận trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày ra quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan nêu tại Điều 19 khoản 1 điểm a Quy định này có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho các cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

### **Điều 21. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì bị cưỡng chế thi hành.

3. Trường hợp đã qua 01 (một) năm mà người có thẩm quyền không thể giao quyết định xử phạt đến cá nhân bị xử phạt do người đó không đến nhận và không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác thì người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định đối với người đó, trừ hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm đang bị tạm giữ thì áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; nếu cần áp dụng biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh hoặc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng thì người có thẩm quyền phải tổ chức thực hiện các biện pháp này. Ngân sách Nhà nước chi trả cho việc thực hiện các biện pháp này hoặc được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện bị tịch thu (nếu có).

### **Điều 22. Hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đối với cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính**

1. Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân phường nơi cá nhân đó cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân đó làm việc xác nhận.

2. Thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền không quá 03 (ba) tháng, kể từ khi có quyết định hoãn.

3. Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đó.

4. Người được hoãn chấp hành quyết định phạt tiền được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ quy định tại khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 23. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 (một) năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

## **Mục 4**

### **THỦ TỤC VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH KHÁC**

### **Điều 24. Thủ tục áp dụng việc giáo dục tại phường**

Áp dụng Mục 1 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

#### **Điều 25. Thủ tục đưa vào trường giáo dưỡng**

Áp dụng Mục 2 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng.

#### **Điều 26. Thủ tục đưa vào cơ sở chữa bệnh**

Áp dụng Mục 4 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 27. Trách nhiệm Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc quận**

1. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình hoặc do mình tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành.
2. Ban hành hoặc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền đối với cá nhân, tổ chức không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường sở tại tổ chức cưỡng chế thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
4. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm báo cáo Ủy ban nhân dân quận về tình hình xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

#### **Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường**

1. Theo dõi, đôn đốc việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ký và ban hành Quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền đối với cá nhân, tổ chức không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
2. Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng và năm báo cáo tình hình ban hành quyết

định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý.

3. Rà soát việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ký ban hành đã hết thời hạn khiếu nại, tố cáo hoặc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết xong (vào ngày 10 hàng tháng) để chuyển số tiền thu phạt hiện tạm giữ trên tài khoản tạm thu, tạm giữ vào ngân sách quận.

4. Kết thúc năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thực hiện việc tổng rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính phát sinh trong năm để bảo đảm toàn bộ số tiền phạt theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong trên tài khoản tạm thu, tạm giữ nộp vào ngân sách quận.

#### **Điều 29. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước quận**

Hàng ngày lập, gửi bảng kê thu tiền phạt hành chính trên các lĩnh vực (trừ lĩnh vực vi phạm an toàn giao thông) và giấy nộp tiền vào tài khoản tạm thu, tạm giữ cho Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và Ủy ban nhân dân 15 phường theo quy định.

#### **Điều 30. Trách nhiệm Phòng Tài chính - Kế hoạch**

1. Chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính để rà soát, xác định các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính hết thời hạn khiếu nại, tố cáo hoặc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết xong để chuyển kịp thời số tiền thu phạt trên tài khoản tạm thu, tạm giữ vào ngân sách quận.

2. Kết thúc năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thực hiện việc tổng rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính phát sinh trong năm để bảo đảm toàn bộ số tiền phạt theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong trên tài khoản tạm thu, tạm giữ chuyển vào ngân sách quận.

#### **Điều 31. Trách nhiệm Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận**

1. Kiểm tra về trình tự thủ tục ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở, ngành chức năng về tình hình ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.



**Điều 32. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Tư pháp**

Phổ biến tuyên truyền và xây dựng đề cương tóm tắt Quy định này gửi đến các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 15 phường để triển khai thực hiện.

**Điều 33. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính mà sách nhiễu bao che không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức; thiếu trách nhiệm để quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật, có lỗi trong việc đề hồ sơ quá thời hạn ban hành quyết định xử phạt thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống đối người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Nghiêm cấm sử dụng tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính hoặc từ việc bán tang vật, phương tiện bị tịch thu để trích thưởng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Công Nghĩa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN PHÚ NHUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 809/2007/QĐ-UBND

*Phú Nhuận, ngày 25 tháng 9 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đính chính một số điều, khoản tại Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận (ban hành kèm theo Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận và Trưởng Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính phần Căn cứ thứ 4 tại Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận như sau:

- Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ *quy định quy định* chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Được thay bằng:

- Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

**Điều 2.** Đính chính một số điều, khoản trong Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận:

1. Tại Điều 4 (trang 1):

“Điều 4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.”

Được thay bằng:

“Điều 4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có quyền:

1. Quyết định áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.”

2. Tại Điều 5, khoản 6 (trang 3) chuyển thành Điều 5 khoản 5, (sai số thứ tự).

3. Tại Điều 18 khoản 1 điểm a (trang 8):

“1. Đối với vụ việc đơn giản

a) Trong thời hạn 04 (bốn ngày), kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt, Thủ trưởng các đơn vị quy định tại *Điều 17* và *Điều 18* khoản 1 Quy định này phải lập tờ trình, dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;”

Được thay bằng:

“1. Đối với vụ việc đơn giản

a) Trong thời hạn 04 (bốn ngày), kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt, Thủ trưởng các đơn vị quy định tại **Điều 16** và **Điều 17** khoản 1 Quy định này phải lập tờ trình, dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;”

4. Tại Điều 20, khoản 2 (trang 9):

“2. Thủ trưởng các cơ quan nêu tại *Điều 19* khoản 1 điểm a Quy định này có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho các cá nhân, tổ chức bị xử phạt.”

Được thay bằng:

“2. Thủ trưởng các cơ quan nêu tại **Điều 18** khoản 1 điểm a Quy định này có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho các cá nhân, tổ chức bị xử phạt.”

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các điều, khoản khác tại Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận (ban kèm theo Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận) không thay đổi.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Trưởng Công an 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Công Nghĩa**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [t tcb@tphcm.gov.vn](mailto:t tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

**Giá: 5.000 đồng**